

Bản án số: 21/2017/DS-ST
Ngày: 13-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Thắng.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXXST-DS ngày 26/6/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị N T L, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông L V K, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị L trình bày:*
Vào giữa tháng 7 năm 2016 chị và anh K có thỏa thuận hợp đồng nhỏ gùng cho ông K, cụ thể là chị nhận nhỏ 01 tấn gùng tiền công 1.000.000 đồng. Sau khi hợp đồng với anh K chị có kêu nhiều người làm. Đợt đầu anh K có trả tiền đủ, đến ngày 20 tháng 11 năm 2016 hết vụ gùng thì anh K còn nợ tiền công là 69.620.000 đồng, nhưng lần này anh K không trả, nhiều lần chị nhắc nhưng anh K chỉ hứa đợi công ty trả tiền sẽ thanh toán. Đến nay anh K vẫn chưa trả số tiền này để chị trả

cho nhân công. Do đó, chị yêu cầu anh K phải trả số tiền 69.620.000 đồng.

* Trong quá trình tố tụng bị đơn anh K trình bày: Anh có hợp đồng với chị L đúng như lời chị L trình bày, anh thừa nhận còn nợ chị L tiền công nhỏ gùng 69.620.000 đồng. Những lần trước thì công ty thanh toán tiền đầy đủ nên anh trả tiền cho chị L đầy đủ, thời gian sau anh giao gùng nhưng công ty không trả tiền mà chỉ hẹn hết lần này đến lần khác nên anh chưa có tiền trả chị L và đến nay cũng chưa thanh toán được. Anh hứa sẽ thanh toán cho chị L trong 02 lần, 06 tháng trả 01 lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L hợp đồng với anh K để nhỏ gùng nhận tiền công theo sản phẩm, sau đó chị L thuê 16 người khác cùng làm, khi thụ lý vụ án Tòa án đã đưa 16 người làm công cho chị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan. Tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2017 thì 16 người này đều cho rằng họ chỉ làm cho chị L, không hợp đồng gì với anh K, họ không yêu cầu gì trong vụ án, tiền công họ sẽ tự thỏa thuận với chị L. Anh K và chị L cũng thống nhất là tranh chấp này là giữa anh K và chị L nên Hội đồng xét xử thống nhất xác định 16 người làm công cho chị L không liên quan trong vụ án. Nếu họ có tranh chấp với chị L thì kiện thành vụ kiện khác.

[2] Về nội dung: Năm 2016 anh K có hợp đồng với chị L nhỏ gùng, cụ thể là anh K mua gùng để bán lại cho công ty, khi có người bán gùng anh K hợp đồng với chị L nhỏ gùng cho anh K mỗi tấn 1.000.000 đồng, sau đó chị L thuê nhân công nhỏ gùng cho anh K theo thỏa thuận. Đến nay anh K còn nợ chị L 69.620.000 đồng tiền công nhỏ gùng, số tiền này các bên thừa nhận nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết có thật được các bên thừa nhận không cần phải chứng minh.

[3] Các bên còn tranh chấp không thỏa thuận được là do anh K yêu cầu cho trả 06 tháng 01 lần 50% số tiền, trả trong 01 năm hết số nợ, nhưng yêu cầu này không được chị L đồng ý vì chị L còn phải trả tiền cho nhân công. Trên thực tế chị L hợp đồng với anh K và kêu các nhân công khác cùng làm, chị L cũng là người trực tiếp nhỏ gùng, nhận tiền công theo sản phẩm, chị L không có lợi nhuận gì trên sản phẩm của các nhân công khác, hiện nay chị L rất cần anh K thanh toán tiền để chi trả cho nhân công; anh K yêu cầu cho thời gian thanh toán quá dài, chị L không

đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh K. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 518, 520, 523 của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 buộc anh K có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 69.620.000 đồng và anh K còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.

[4] Án phí sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh K có nghĩa vụ trả số tiền 69.620.000 đồng nên phải chịu án phí là 3.481.000 đồng.

Toàn bộ yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị L không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 518, 520, 523 của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị N T L đối với anh L V K. Buộc anh L V K trả cho chị N T L số tiền 69.620.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị L cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.

2. Án phí sơ thẩm: Anh L V K chịu án phí sơ thẩm là 3.481.000 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng). Chị N T L được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.740.000 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03115 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận